

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung giữa bà L và ông Q

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy

2. Ông Lý Khắc Chung

-Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

-Kiểm sát viên-Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 553/2019/TLST.HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1996. Có mặt.

Địa chỉ: ấp TT, xã AH, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Q, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp BD, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc L trình bày và có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Giữa bà Phạm Thị Ngọc L và ông Phan Văn Q do quen biết, tự tìm hiểu từ năm 2017 và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có

tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 13/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Q đi ra ngoài quen với người phụ nữ khác, không chăm sóc, bỏ bê vợ con, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được và đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn Q.

- Về con chung: Có 01 con chung chưa thành niên tên Phan Phạm Anh D, sinh ngày 01/02/2019. Hiện nay cháu D đang sống với bà L. Khi ly hôn, bà Phạm Thị Ngọc L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Phan Phạm Anh D, sinh ngày 01/02/2019, không yêu cầu ông Phan Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà Phạm Thị Ngọc L và ông Phan Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*.Bị đơn ông Phan Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Phan Văn Q không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Tại phiên tòa:

+ Bà Phạm Thị Ngọc L trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú nhận định:

[2] *Về tố tụng*: Ông Phan Văn Q đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Phan Văn Q vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Văn Q.

[3] *Về hôn nhân*: Giữa bà Phạm Thị Ngọc L và ông Phan Văn Q là hôn nhân hợp pháp bởi ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn

nhân và Gia đình năm 2014. Xem xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc L, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, ông Phan Văn Q không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc L. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc L là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Phạm Thị Ngọc L được ly hôn với ông Phan Văn Q.

[4] *Về nuôi con chung*: Theo giấy khai sinh của Phan Phạm Anh D và lời trình bày của bà Phạm Thị Ngọc L thì bà và ông Phan Văn Q có con chung chưa thành niên tên Phan Phạm Anh D, sinh ngày 01/02/2019, hiện do bà L đang nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, cháu D dưới 36 tháng tuổi cần được bà L giáo dục, chăm sóc và quyền lợi của con chung được đảm bảo, là phù hợp theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên bà Phạm Thị Ngọc L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Phạm Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Phan Phạm Anh Duy, sinh ngày 01/02/2019. Ông Phan Văn Quý có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Phạm Thị Ngọc L và các thành viên trong gia đình của bà Phạm Thị Ngọc L không được cản trở ông Phan Văn Q thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. bà Phạm Thị Ngọc L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Phạm Thị Ngọc L trình bày giữa bà và ông Phan Văn Q về tài sản chung và nợ chung là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay do không có mặt của với ông Phan Văn Q để đối chất làm rõ các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác

[6] *Về án phí*: Bà Phạm Thị Ngọc L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Ngọc L và ông Phan Văn Q.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Phan Phạm Anh D, sinh ngày 01/02/2019 cho bà Phạm Thị Ngọc L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Phan Văn Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Bà Phạm Thị Ngọc L và các thành viên trong gia đình của bà Phạm Thị Ngọc L không được cản trở ông Phan Văn Q thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.2. Bà Phạm Thị Ngọc L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Phạm Thị Ngọc L trình bày về tài sản chung và nợ chung là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nêu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. *Về án phí*: Bà Phạm Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005604 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà Phạm Thị Ngọc L đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bà Phạm Thị Ngọc L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phan Văn Q vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã TMT;
- UBND xã AH,
huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Vp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Việt Nam

